TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HS-ST
Ngày 29/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Triệu Thị Yên.

2. Bà Trần Thị Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lường Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Ma Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-HS ngày 15/4/2025, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị T; sinh ngày 06/5/1996; Nơi thường trú, chỗ ở: Khu T (cũ là thôn A), xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1975; chồng: Nguyễn Bảo Quốc T3, sinh năm 1995; con: 01 con, sinh năm 2017.

Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/10/2024. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh T*, có mặt tại phiên tòa.*

2. Phạm Văn N; sinh ngày 30/8/1998; Nơi thường trú, chỗ ở: Thôn Đ, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn B, sinh năm 1970 và bà Lý Thị V, sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có; anh, chị, em ruột: 02, bị cáo là thứ hai.

Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/10/2024. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh T, *có mặt tại phiên tòa.*

3. Nguyễn Văn T4; sinh ngày 03/8/1995. Nơi thường trú, chỗ ở: Thôn C V, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1970; vợ, con: Chưa có; anh, chị, em ruột: 02, bị cáo là thứ hai.

Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Là Đảng viên Đ1. Đã bị khai trừ ra khỏi Đ1 tại Quyết định số 119-QĐ/UBKTHU ngày 17/12/2024 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy H, tỉnh Tuyên Quang.

Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/10/2024. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh T, *có mặt tại phiên tòa.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Mai Tiến T5, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang *(có đơn xin vắng mặt).*

+ Anh Nguyễn Chí T6, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang *(có mặt tại phiên tòa).*

+ Chị Xìn Thị S, sinh năm 2004. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang *(có đơn xin vắng mặt).*

+ Chị Lương Thị Ánh N1, sinh năm 2006. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An *(có đơn xin vắng mặt).*

+ Chị Lê Thị Như Ý, sinh năm 2007. Địa chỉ: Ấp X, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu *(có đơn xin vắng mặt).*

+ Chị Hoàng Thị T7, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang *(có đơn xin vắng mặt).*

Người làm chứng:

Chị Viêng Thị Thảo S1, sinh năm 2005. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An *(có đơn xin vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ, ngày 15/10/2024, Nguyễn Thị T sinh năm 1996, trú tại Khu T, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nguyễn Văn T4 sinh năm 1995, trú tại thôn C V, xã T, huyện H và Phạm Văn N sinh năm 1998, trú tại thôn Đ, xã B, huyện H, tỉnh

Tuyên Quang cùng nhau ăn, uống ở quán ăn tại thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Trong lúc ngồi ăn, uống, T rủ T4, N tối ngày 16/10/2024 tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý. T4, N đồng ý. Khoảng 13 giờ, ngày 16/10/2024, T nhắn tin cho T4 qua ứng dụng Messenger trao đổi chủng loại, số lượng chất ma túy cần mua để sử dụng. T và T4 thống nhất mua 02 viên ma túy tổng hợp loại MDMA, còn số lượng chất ma túy loại Ketamine thì tùy thuộc vào giá cả để mua.

Khoảng 14 giờ cùng ngày, T nhắn tin, bảo N tìm mua chất ma tuý để cùng nhau sử dụng, N hỏi T "*Chị chơi có đông không, bao nhiêu người*", T nói "*Có ba, bốn người*", N nói "*Lấy tầm 2 chỉ với 4 viên, khoảng bốn triệu tư*", sau đó, T sử dụng tài khoản ngân hàng của mình số 19073262856011 mở tại Ngân hàng T9 chuyển 4.400.000 đồng đến số tài khoản 3206301998 của N mở tại N để N trả tiền mua ma tuý. Sau khi nhận được tiền, N sử dụng ứng dụng Telegram gọi và nhắn tin với người sử dụng tài khoản Telegram "Đường một chiều" hỏi mua 4.400.000 đồng chất ma túy loại Ketamine và ma túy tổng hợp loại MDMA. N và người sử dụng tài khoản Telegram "Đường một chiều" thống nhất thời gian, địa chỉ nhận hàng vào khoảng 23 giờ cùng ngày tại khu vực cây xăng B1 thuộc xã B, huyện H qua xe khách.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, N ra khu vực cây xăng Bợ nêu trên đón xe khách lấy gói hàng có đặc điểm bên ngoài là vỏ hộp nước hoa ghi số tiền phải trả là 4.400.000 đồng. N đưa 4.400.000 đồng cho phụ xe khách (N không nhớ xe khách cụ thể). Sau khi nhận gói hàng, N mở ra thấy 04 túi ni lông màu trắng bên trong mỗi túi đều chứa chất ma tuý tổng hợp là Ketamine và 02 túi ni lông màu trắng, bên trong mỗi túi đều chứa 02 viên nén màu xám là ma tuý tổng hợp MDMA. Mua được ma túy, N gọi điện cho T4, T lên quán H1 thuộc thôn T, xã Y, huyện C do Hoàng Thị T7, sinh năm 1983, trú tại số A, N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội làm chủ để tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý, ngoài ra T4 còn bảo T gọi thêm nhân viên dịch vụ Karaoke để phục vụ. Sau đó, T gọi điện cho Dương Văn Đ, sinh năm 1991, trú tại thôn C, xã T, huyện H thuê 04 nhân viên lên quán H1. Sau khi gọi điện cho N, T; T4 tiếp tục gọi điện thoại rủ thêm Mai Tiến T5, sinh năm 1996, trú tại thôn C, xã B, huyện H và Nguyễn Chí T6, sinh năm 1995, trú tại thôn T, xã T, huyện H đến quán H1 để cùng nhau sử dụng chất ma tuý.

Sau khi gọi điện cho T4, N thuê xe taxi đến đón T4, T5 và T đến quán H1. Khi đến quán hát, N, T5, T4 lần lượt lên phòng hát "VÍP 2" trên tầng hai của quán trước, còn T ở dưới tầng một chờ nhân viên phục vụ đến. Khoảng 10 phút sau, Đ điều khiển xe ô tô chở Xìn Thị S, sinh năm 2004, trú tại thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Lương Thị Ánh N1, sinh năm 2006, trú tại thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An đến. T đưa S và N1 lên phòng hát VÍP 2 rồi quay xuống tầng một để chờ thêm nhân viên. Đến khoảng 00 giờ 10 phút, ngày 17/10/2024, Nguyễn Chí T6 đến quán hát cùng mọi người. Khoảng 15 phút sau Đ tiếp tục chở thêm Viêng Thị Thảo S1, sinh năm 2005, trú tại thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An và Lê Thị Như Ý, sinh ngày 28/03/2007, trú tại ấp X, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đến. T tiếp tục đưa Ý và S1 lên phòng hát. Sau khi thấy mọi người đã đến

đủ, N lấy 02 túi ni lông màu trắng, mép túi có rãnh khoá, viền túi màu đỏ, bên trong mỗi túi có 02 viên ma tuý tổng hợp MDMA đưa cho T4, T5 mỗi người cầm một viên, còn N cầm 02 viên. T4 cầm viên ma túy MDMA đi vào nhà vệ sinh sử dụng hết một phần, phần còn lại T4 chia thành hai phần rồi đưa cho N1 và S sử dụng, còn T5 và N mỗi người sử dụng hết một viên bằng cách nuốt vào cơ thể. 01 viên còn lại N để ở trên bàn trong phòng hát để cho mọi người tiếp tục sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy tổng hợp loại MDMA xong, N tiếp tục lấy 04 túi ni lông màu trắng bên trong chứa chất ma túy loại Ketamine ở dạng tinh thể màu trắng đổ ra đĩa sứ hình tròn (mượn của Hoàng Thị T7) để trên mặt bàn, N dùng giấy phép lái xe của mình chia số ma tuý ở trên đĩa thành nhiều đường thẳng rồi sử dụng tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng của mình quấn thành ống hút. Sau khi chuẩn bị dụng cụ sử dụng chất ma túy xong, N sử dụng trước bằng cách hút vào cơ thể, sau đó N đưa đĩa có chứa chất ma tuý và ống hút cho T5, T4, S, N1, Ý, T6 lần lượt sử dụng.

Khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 17/10/2024, tổ công tác Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đến kiểm tra, phát hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý của T, N, T4, phát hiện thu giữ: Tại mặt bàn phía ngoài cùng gần cửa ra vào 01 đĩa sứ hình tròn, trên mặt đĩa chứa chất ma túy loại Ketamine; 01 giấy phép lái xe số 080163009388 mang tên Phạm Văn N; 01 ống hút được quấn từ tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng; 04 túi ni lông màu trắng, mép túi màu đỏ bên trong đều bám dính chất ma túy loại Ketamine; 01 bật lửa gas; 01 túi ni lông màu trắng, mép túi có rãnh khóa bên trong chứa chất ma túy loại MDMA. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Phạm Văn N; tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn T4 về hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý.

Tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy trong cơ thể đối với Phạm Văn N, Nguyễn Văn T4, Mai Tiến T5, Nguyễn Chí T6, Lương Thị Ánh N1, Xìn Thị S, Lê Thị Như Ý đều có kết quả dương tính với chất ma túy; Viêng Thị Thảo S1 và Nguyễn Thị T âm tính với chất ma túy.

Tại Kết luận giám định số 1420/KL-KTHS ngày 22/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Số chất tinh thể màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, có khối lượng 0,434 gam; số chất tinh thể màu trắng trong bì niêm phong kí hiệu M3, M5, M6 gửi giám định đều là chất ma túy, loại Ketamine, không xác định được khối lượng; số chất bột màu xám trong bì niêm phong ký hiệu M4 gửi giám định là chất ma túy, loại MDMA, khối lượng 0,127 gam.

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKSCH, ngày 12 tháng 3 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị T, Phạm Văn N, Nguyễn Văn T4 về tội: *"Tổ chức sử dụng trái phép ma túy"* quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo như nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T, Phạm Văn N, Nguyễn Văn T4 phạm tội: *"Tổ chức sử dụng trái phép ma túy"*.

- Về hình phạt chính: Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 08 (tám) năm đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) năm tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T4 từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/10/2024.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội không có tính chất vụ lợi, nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tịch thu tiêu hủy:

02 bì niêm phong còn nguyên vẹn, mặt sau các mép dán có chữ ký xác nhận của Phạm Văn N, thành phần tham gia và 05 hình dấu của Phòng K, Công an tỉnh T. Mặt trước ghi "Tang vật vụ Phạm Văn N giám định ngày 17/10/2024".

01 đĩa sứ hình tròn, có nhiều hoa văn, họa tiết nhiều màu của Hoàng Thị T7, do chị T7 đề nghị không nhận lại vì tài sản đã cũ, không còn giá trị; 01 bật lửa gas vỏ nhựa màu đỏ đen, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng được niêm phong vào 01 thùng cát tông dán kín.

+ Tịch thu sung Ngân sách nhà nước đối với:

01 tờ tiền Việt Nam có mệnh giá 100.000đ

01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 Pro Max, số máy: MGC33ZA/A, số Sê ri: G6TDW3Y90D5H, số IMEI: 35673411969289, Số IMEI 2: 356734119558801, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn T4.

01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 16 Pro Max, số máy: MYWX3 VN/A, số Sê ri: KQ67Y1W6MY, số IMEI: 354614444535116, số IMEI 2: 354614445452535, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Thị T.

01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS Max, số máy: MT6W2J/A, số Sê ri: F2LXJJE5KPHV, Số IMEI: 35730009890632, số IMEI 2: 357300099630728, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Phạm Văn N.

- Trả lại bị cáo Phạm Văn N 01 giấy phép lái xe số 080163009388 mang tên Phạm Văn N;

- Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Phạm Văn N, Nguyễn Văn T4, Mai Tiến T5, Nguyễn Chí T6, Lương Thị Ánh N1, Xìn Thị S, Lê Thị Như Ý Công an huyện C đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền theo quy định, do đó không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Đối với tài khoản Telergam "Đường một chiều" và xe khách giao hàng và nhận tiền của Phạm Văn N quá trình điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý, vì vậy không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Đối với Hoàng Thị T7, Dương Văn Đ không biết Nguyễn Thị T, Phạm Văn N, Nguyễn Văn T4 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên không đề nghị xử lý.

- Đối với bà Lý Thị V, do không biết Phạm Văn N sử dụng điện thoại và tài khoản ngân hàng của mình để thực hiện hành vi mua ma túy để sử dụng nên không đề nghị xử lý.

- Áp dụng các Điều 135, 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Tại phiên tòa các bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra, không có tình tiết mới. Các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì kết luận giám định. Các bị cáo nhất trí luận tội, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định,

hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị T, Phạm Văn N, Nguyễn Văn T4 thành khẩn nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị cáo và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại cơ quan điều tra. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 17/10/2024, tại quán H1 thuộc thôn T, xã Y, huyện C, Nguyễn Thị T, Phạm Văn N, Nguyễn Văn T4 đã có hành vi cung cấp chất ma túy (loại Ketamine, MDMA), chuẩn bị các dụng cụ gồm (ống hút, bật lửa ga) cho Mai Tiến T5 sinh năm 1996, trú tại thôn C, xã B, huyện H; Nguyễn Chí T6 sinh năm 1995, trú tại thôn T, xã T, huyện H; Xìn Thị S sinh năm 2004, trú tại thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Lương Thị Ánh N1, sinh năm 2006, trú tại thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An và Lê Thị Như Ý, sinh ngày 28/03/2007, trú tại Ấp X, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu cùng sử dụng. Tại thời điểm sử dụng trái phép chất ma túy, Lê Thị Như Ý được 17 tuổi 06 tháng 19 ngày.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị T, Phạm Văn N, Nguyễn Văn T4 cấu thành tội: *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Việc Viện kiểm sát truy tố hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, do đó phải chịu trách nhiệm đối với hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo tổ chức sử trái phép chất ma túy với nhiều người, trong đó có Lê Thị Như Ý khi sử dụng trái phép chất ma túy dưới 18 tuổi (Lê Thị Như ý được 17 tuổi 06 tháng 19 ngày).

Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Xét vai trò, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Thị T là người khởi xướng, chủ động nhắn tin cho bị cáo T4 để trao đổi về số lượng, chủng loại ma túy sử dụng, sau đó nhắn tin bảo bị cáo N tìm mua chất ma túy về cho ba, bốn người cùng nhau sử dụng và bỏ ra toàn bộ số tiền mua chất ma túy. Điều này cho thấy tính tích cực trong thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo T dẫn đến việc bị cáo cùng các bị cáo N, T4 thực hiện hành vi phạm tội, xác định tính chất mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo là cao nhất trong vụ án nên bị cáo phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo N, bị cáo T4.

Bị cáo Nghĩa là người thực hiện hành vi liên hệ tìm mua ma túy, nhận ma túy, tìm địa điểm tổ chức sử dụng ma túy và gọi điện cho các bị cáo đến sử dụng ma túy, bị cáo Nghĩa là người trực tiếp chia ma túy cho mọi người, chuẩn bị dụng cụ để sử dụng ma túy, nên vai trò, tính chất mức độ trong hành vi phạm tội của bị cáo được xác định đứng thứ hai, sau bị cáo T.

Bị cáo T4 được tham gia bàn bạc với bị cáo T, thống nhất số lượng, chủng loại ma túy để sử dụng, chia ma túy cho N1, S và gọi điện rủ T6, T5 đến sử dụng ma túy nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình nhưng vai trò thấp hơn các bị cáo T, N.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về hình phạt:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công vai trò phạm tội cụ thể, các bị cáo cùng cố ý cùng thực hiện hành vi phạm tội do đó các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần căn cứ Điều 58 Bộ luật Hình sự xem xét tính chất của đồng phạm, tính chất mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma tuý, gây mất trật tự trị an, tạo dư luận xấu tại địa phương và là một trong những nguyên nhân gây ra các tội phạm, tệ nạn xã hội khác.

Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, Hội đồng xét xử căn cứ nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng đối với mỗi bị cáo để có mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, đủ để giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích và để răn đe, phòng ngừa chung. Cần phải áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, như vậy mới đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Vai trò, tính tích

cực trong thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo được xác định theo thứ tự giảm dần, như sau: Bị cáo T là người khởi xướng và bỏ tiền mua ma túy nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo N, bị cáo T4. Bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội với vai trò sau bị cáo T, bị cáo tích cực trong thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo T nhưng cao hơn bị cáo T4. Bị cáo T4 thực hiện hành vi với vai trò sau các bị cáo T, N nên chịu mức hình phạt thấp nhất trong vụ án.

Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, khối lượng chất ma tuý mà các bị cáo sử dụng, cũng như nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, có căn cứ.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo phạm tội không có tính chất vụ lợi, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[6]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy:

02 bì niêm phong còn nguyên vẹn, mặt sau các mép dán có chữ ký xác nhận của Phạm Văn N, thành phần tham gia và 05 hình dấu của Phòng K, Công an tỉnh T. Mặt trước ghi "Tang vật vụ Phạm Văn N giám định ngày 17/10/2024".

01 đĩa sứ hình tròn, có nhiều hoa văn, họa tiết nhiều màu của Hoàng Thị T7, do chị T7 đề nghị không nhận lại vì tài sản đã cũ, không còn giá trị. 01 bật lửa gas vỏ nhựa màu đỏ đen, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng được niêm phong vào 01 thùng cát tông dán kín do sử dụng vào mục đích phạm tội.

+ Tịch thu sung Ngân sách nhà nước đối với:

01 tờ tiền Việt Nam có mệnh giá 100.000đ do bị cáo N sử dụng vào việc phạm tội.

01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 Pro Max, số máy: MGC33ZA/A, số Sê ri: G6TDW3Y90D5H, số IMEI: 35673411969289, Số IMEI 2: 356734119558801, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn T4.

01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 16 Pro Max, số máy: MYWX3 VN/A, số Sê ri: KQ67Y1W6MY, số IMEI: 354614444535116, số IMEI 2: 354614445452535, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Thị T.

01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS Max, số máy: MT6W2J/A, số Sê ri: F2LXJJE5KPHV, Số IMEI: 35730009890632, số IMEI 2: 357300099630728, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Phạm Văn N.

- Trả lại bị cáo Phạm Văn N 01 giấy phép lái xe số 080163009388 mang tên Phạm Văn N do đây là giấy tờ còn sử dụng được.

[7]. Vấn đề khác:

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Phạm Văn N, Nguyễn Văn T4, Mai Tiến T5, Nguyễn Chí T6, Lương Thị Ánh N1, Xìn Thị S, Lê Thị Như Ý Công an huyện C đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định, do đó không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với tài khoản T8 "Đường một chiều" và xe khách giao hàng và nhận tiền của Phạm Văn N quá trình điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý, vì vậy không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với Hoàng Thị T7, Dương Văn Đ không biết Nguyễn Thị T, Phạm Văn N, Nguyễn Văn T4 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên không đề nghị xử lý.

Đối với bà Lý Thị V, do không biết Phạm Văn N sử dụng điện thoại và tài khoản ngân hàng của mình để thực hiện hành vi mua ma túy để sử dụng nên không đề nghị xử lý.

[8]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T, Phạm Văn N, Nguyễn Văn T4 phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

2. Về hình phạt: Căn cứ các điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 08 (tám) năm tù.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T4 07 (bảy) năm 08 (tám) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/10/2024.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy:

02 bì niêm phong còn nguyên vẹn, mặt sau các mép dán có chữ ký xác nhận của Phạm Văn N, thành phần tham gia và 05 hình dấu của Phòng K, Công an tỉnh T. Mặt trước ghi "Tang vật vụ Phạm Văn N giám định ngày 17/10/2024".

01 đĩa sứ hình tròn, có nhiều hoa văn, họa tiết nhiều màu của Hoàng Thị T7. 01 bật lửa gas vỏ nhựa màu đỏ đen, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng được niêm phong vào 01 thùng cát tông dán kín do sử dụng vào mục đích phạm tội.

+ Tịch thu sung Ngân sách nhà nước đối với:

01 tờ tiền Việt Nam có mệnh giá 100.000 (một trăm nghìn đồng) của Phạm Văn N

01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 Pro Max, số máy: MGC33ZA/A, số Sê ri: G6TDW3Y90D5H, số IMEI: 35673411969289, Số IMEI 2: 356734119558801, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn T4.

01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 16 Pro Max, số máy: MYWX3 VN/A, số Sê ri: KQ67Y1W6MY, số IMEI: 354614444535116, số IMEI 2: 354614445452535, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Thị T.

01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS Max, số máy: MT6W2J/A, số Sê ri: F2LXJJE5KPHV, Số IMEI: 35730009890632, số IMEI 2: 357300099630728, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Phạm Văn N.

+ Trả lại bị cáo Phạm Văn N 01 giấy phép lái xe số 080163009388 mang tên Phạm Văn N;

Tình trạng vật chứng như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/4/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa.

4. Về án phí: Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH: Các bị cáo Nguyễn Thị T, Phạm Văn N, Nguyễn Văn T4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- CQTHAHS; Hồ sơ THAHS;
- THADS;
- Sở Tư pháp;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Bích Ngọc